



HUST

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

ONE LOVE. ONE FUTURE.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
BÁCH KHOA HÀ NỘI
HANOI UNIVERSITY
OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

Chương 6

VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

ONE LOVE. ONE FUTURE.

CÂU HỎI CHƯƠNG 6

Câu 1: Trình bày khái niệm, đặc trưng cơ bản dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin?

Câu 2: Trình bày nội dung cương lĩnh dân tộc của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Câu 3 : Trình bày đặc điểm dân tộc và quan điểm của ĐCSVN về vấn đề dân tộc

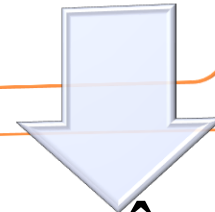
CÂU HỎI CHƯƠNG 6

Câu 4: Trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo?

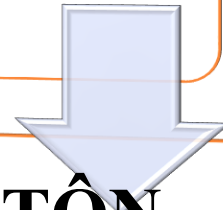
Câu 5: Trình bày nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH?

Câu 6 : Trình bày nội dung tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước ta hiện nay

**VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG TKQĐ
LÊN CNXH**



**TÔN GIÁO TRONG TKQĐ LÊN
CNXH**



**QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN
GIÁO Ở VIỆT NAM**

1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ DÂN TỘC

- KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA DÂN TỘC
- HAI XU HƯỚNG KHÁC QUAN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ DÂN TỘC
- CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

- ĐẶC ĐIỂM CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
- QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC

Dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người. Sự biến đổi của phương thức sản xuất chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.

Bộ tộc

Trong chế độ nô lệ và phong kiến, khi xã hội có sự phân chia giai cấp, có sự xuất hiện của Nhà nước - quốc gia

Bộ lạc

Ở giai đoạn cuối xã hội Cộng sản nguyên thủy

Thị tộc

Ở giai đoạn đầu xã hội Cộng sản nguyên thủy

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC

KHÁI NIỆM DÂN TỘC ĐƯỢC HIỂU THEO 2 NGHĨA



QUỐC
GIA
DÂN
TỘC

Theo nghĩa rộng: Dân tộc là khái niệm dung để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hoá và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Khái niệm dân tộc theo nghĩa rộng là để **chỉ một quốc gia** nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC

KHÁI NIỆM DÂN TỘC NGHĨA RỘNG

QUỐC
GIA
DÂN
TỘC

Là một cộng đồng chính trị - xã hội có những đặc trưng cơ bản:

- Có lãnh thổ chung ổn định
- Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế.
- Có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp
- Có chung một nền văn hóa và tâm lý
- Có chung một nhà nước(nhà nước dân tộc)

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC

KHÁI NIỆM DÂN TỘC THEO NGHĨA HẸP



TỘC
NGƯỜI

Theo nghĩa hẹp: Dân tộc (tộc người) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa.

Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người của các cộng đồng đó.

Với nội dung này dân tộc là một bộ phận hay thành phần của quốc gia

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC

KHÁI NIỆM DÂN TỘC THEO NGHĨA HẸP



TỘC
NGƯỜI

Dân tộc chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa

- Cộng đồng về ngôn ngữ
- Cộng đồng về văn hóa
- Ý thức tự giác tộc người

Ba tiêu chí này tạo nên sự ổn định trong mỗi tộc người trong quá trình phát triển.

1.2. CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ NIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

HAI XU HƯỚNG KHÁCH QUAN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN DÂN TỘC

Xu hướng thứ nhất:

Cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập.

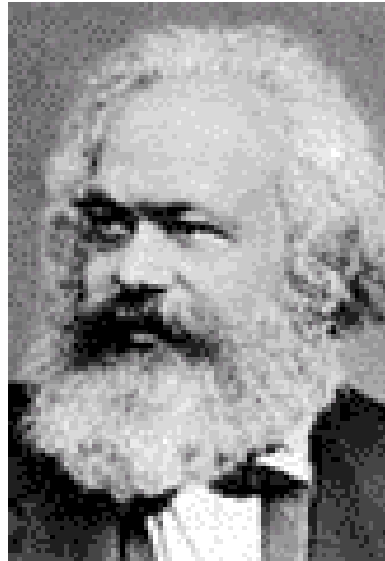
Xu hướng thứ hai:

Các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng này diễn ra với những biểu hiện rất đa dạng và phong phú.

1.2. CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ NIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Cương
lĩnh
dân
tộc
của
chủ
nghĩa
Mác –
Lênin



Các Mác



Ăngghen



Lênin

1.2. CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ NIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

CĂN CỨ KHÁCH QUAN

- Mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp
- Hai xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc
- Dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX

1.2. CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ NIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

**NỘI
DUNG
CƯỜNG
LĨNH
DÂN
TỘC
CỦA
CHỦ
NGHĨA
MÁC -
LÊNIN**

Các dân tộc hoàn toàn
bình đẳng

Các dân tộc được quyền
tự quyết

Liên hiệp công nhân các dân tộc



NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC

CÁC DÂN TỘC HOÀN TOÀN BÌNH ĐẲNG

- Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp.
- Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

CÁC DÂN TỘC HOÀN TOÀN BÌNH ĐẲNG

- Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.
- Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng **áp bức giai cấp**, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.



NỘI DUNG CHƯƠNG LĨNH DÂN TỘC

CÁC DÂN TỘC HOÀN TOÀN BÌNH ĐẲNG

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là **cơ sở** để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

CÁC DÂN TỘC ĐƯỢC QUYỀN TỰ QUYẾT

- Là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.
- Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.
- Việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân.

CÁC DÂN TỘC ĐƯỢC QUYỀN TỰ QUYẾT

- Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập.
- Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

LIÊN HIỆP GIAI CẤP CÔNG NHÂN TẤT CẢ CÁC DÂN TỘC

- Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.
- Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC

LIÊN HIỆP GIAI CẤP CÔNG NHÂN TẤT CẢ CÁC DÂN TỘC

- Nội dung liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.
- Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

➤ Ý nghĩa.

- Phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân.
- Phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.
- Đảm bảo cho phong trào giải phóng dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi.
- Là điều kiện thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Do đó, là cơ sở để giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc bị áp bức.
- Liên kết cả ba nội dung thành một chỉnh thể.

1.3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

1.3.1. Các đặc điểm của dân tộc Việt Nam

Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người

Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau

Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng

Có trình độ phát triển không đều nhau

Có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong các cộng đồng dân tộc-quốc gia thống nhất

Có bản sắc văn hóa riêng góp phần tạo lên sự phong phú đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất

1.3.2. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt nam về vấn đề dân tộc



Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, dựa vào đặc điểm của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà Nước ta ngay từ khi mới thành lập đã coi vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng.

Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc

Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà Nước ta coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều này được nêu rõ trong văn kiện đại hội đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX: “vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng”.

Đại hội XII : “ Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta...”

Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, đồng bào các dân tộc đều là anh em ruột thịt, là con cháu một nhà, thương yêu đoàn kết giúp đỡ nhau là nghĩa vụ thiêng liêng của các dân tộc”. Và người còn khẳng định:



Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công

Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc

Vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược lâu dài đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay...

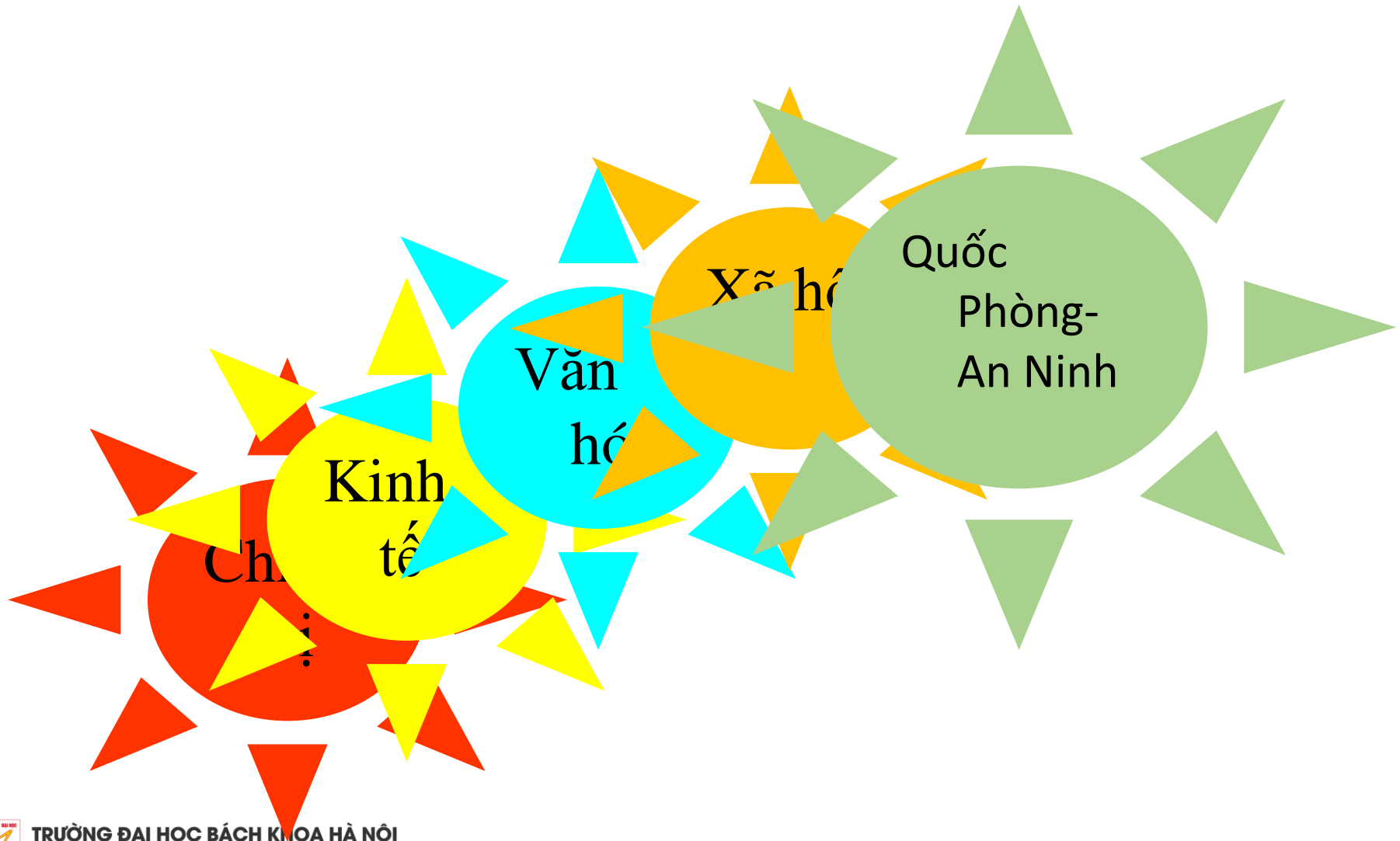
Các dân tộc trong đại gia đình Việt nam được bình đẳng, đoàn kết, tương trợ cùng nhau phát triển...

Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng trên các địa bàn vùng dân tộc và miền núi....

Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc miền núi, phát triển cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo, khai thác tiềm năng....

Công tác dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị...

Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam



Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt nam

Về chính trị: Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc....

Về Kinh tế: Nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển...

Về văn hóa: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người...

Về xã hội: Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.....

Về an ninh quốc phòng: Tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.....

2. **TÔN GIÁO** TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

- **BẢN CHẤT, NGUỒN GỐC VÀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO**
- **NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG TKQĐ LÊN CNXH**

TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

- **ĐẶC ĐIỂM TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM**
- **CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO, HIỆN NAY**

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo

2.1.1. Bản chất, nguồn gốc và tính chất tôn giáo

➤ Bản chất của tôn giáo

- Tôn giáo là một **hình thái ý thức xã hội** phản ánh hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội đều trở thành siêu nhiên, thần bí.

- Ở một cách tiếp cận khác, tôn giáo là một thực thể xã hội – các tôn giáo cụ thể.

+ Với các tiêu chí cơ bản sau: Có niềm tin tôn giáo; Có hệ thống giáo thuyết; Có hệ thống cơ sở thờ tự; Có tổ chức nhân sự; Có hệ thống tín đồ đông đảo

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo

2.1.1. Bản chất, nguồn gốc và tính chất tôn giáo

➤ Bản chất của tôn giáo

- *Về bản chất*, tôn giáo là một hiện tượng xã hội – văn hóa do con người sáng tạo ra
- *Về phương diện thế giới quan*, Tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Xét về bản chất tôn giáo là một hiện tượng xã hội tiêu cực. Nhưng trong một chừng mực nhất định tôn giáo có những mặt tích cực.

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

So sánh: Tôn giáo, tín ngưỡng và mê tín dị đoan

- **Tín ngưỡng:** Tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ.

Tín ngưỡng

Tín ngưỡng dân gian.

Tín ngưỡng cổ truyền.

Tín ngưỡng là yếu tố cơ bản, đầu tiên làm hình thành tôn giáo và mê tín dị đoan.

Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định.

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

- Mê tín dị đoan:

Mê tín là niềm tin mê muội, viển vông, không dựa trên một cơ sở khoa học nào, nhưng được bao phủ bởi các yếu tố siêu nhiên, thần thánh, hư ảo.

Dị đoan là sự suy đoán, hành động một cách tùy tiện, sai lệch những điều bình thường, chuẩn mực trong cuộc sống.

Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

Nguồn gốc { Nguồn gốc TN, kinh tế - xã hội
Nguồn gốc nhận thức
Nguồn gốc tâm lý

Trong đó nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội là nguồn gốc cơ bản nhất.

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

1. Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Trong xã hội công xã nguyên thủy, do ***lực lượng sản xuất chưa phát triển***, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí.
- Khi trong xã hội xuất hiện giai cấp đối kháng, áp bức bất công, ***do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hoá giai cấp và áp bức bóc lột bất công***, tội ác v.v..., cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

2. Nguồn gốc nhận thức

- Trong các giai đoạn nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên và xã hội có giới hạn.
- Do trình độ dân trí thấp chưa thể nhận thức đầy đủ vẫn là điều kiện, mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại, phát triển.
- Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo là sự tuyệt đối hóa, cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người biến cái nội dung khách quan thành siêu nhiên, thần thánh.

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

3. Nguồn gốc tâm lý

- Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn con người cũng dễ tìm đến với tôn giáo.
- Những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo.

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

Tính chất của tôn giáo

Tính chất

- Tính lịch sử của tôn giáo
- Tính quần chúng của tôn giáo
- Tính chính trị của tôn giáo

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

1. Tính lịch sử của tôn giáo

- Tôn giáo là hiện tượng xã hội có tính lịch sử, có khả năng tồn tại, phát biến đổi trong một giai đoạn lịch sử nhất định
- Theo quan điểm của CN Mác – Lênin, tôn giáo sẽ nhạt dần và mất đi khi các **nguồn gốc** làm nảy sinh tôn giáo không còn nữa.

2. Tính quần chúng của tôn giáo

- Tôn giáo là hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các quốc gia dân tộc chiếm khoảng $\frac{3}{4}$ dân số trên thế giới.
- Tôn giáo là nhu cầu sinh hoạt tinh thần của 1 bộ phận quần chúng nhân dân (Dân tộc)
- Tôn giáo phản ánh khát vọng của con người về 1 xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.
- Nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo, hướng thiện nên được nhiều người tin theo.

2. Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

3. Tính chính trị của tôn giáo

- Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích giai cấp.
- Tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị
- Khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

- Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.
- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới
- Phân biệt 2 mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.
- Phải có quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.

2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam có nhiều tôn giáo. Hiện nay, nước ta có khoảng trên 24 triệu tín đồ, 13 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân
- Tôn giáo VN đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo
- Tín đồ các tôn giáo VN phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc
- Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ
- Các tôn giáo Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức cá nhân tôn giáo ở nước ngoài
- Tôn giáo ở nước ta thường bị các thế lực phản động lợi dụng

2.2.2. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo, hiện nay

- Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH
- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng
- Công tác tôn giáo là công tác của cả hệ thống chính trị
- Vấn đề theo đạo và truyền đạo: Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

- Việt nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất.
- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống.
- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến lối sống cộng đồng và khối đại đoàn kết dân tộc
- Các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo nhằm thực hiện “diễn biến hòa bình”...nhất là tập trung ở 4 khu vực trọng điểm: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia – Dân tộc thống nhất theo định hướng XHCN
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.



HUST

**Cảm ơn sự chú
ý của các em !**



hust.edu.vn



fb.com/dhbkhn